

HOC THUYET 'ESTOPPEL' VA CONG HAM PHAM VAN DONG

I. SO LUOC

A. Lập trường của Trung Quốc được nêu lên để hậu thuẫn cho tuyên bố chủ quyền trên Hoàng sa và Trường sa.

1/ Ngày 9 tháng 6/ 2014, phái đoàn Trung Quốc đã gửi Văn thư lên ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, trưng dẫn tài liệu để chứng minh chủ quyền của Trung Quốc **đối với quần đảo Hoàng Sa**. Trong thư, Vương Mân (Wong Min) Phó đại diện thường trực của Trung Quốc tại Liên Hiệp Quốc đã yêu cầu ông TTK đem phổ biến tài liệu này đến toàn thể các thành viên của LHQ như là tài liệu chính thức của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc.

Trong số các tài liệu trưng dẫn, có một tuyên bố của Bộ Ngoại Giao Trung Quốc, mang tựa đề “Hoạt động của giàn khoan dầu HYSY”, sự khiêu khích của Việt Nam và lập trường của Trung Quốc, kèm theo là phụ lục các tài liệu chứng minh quần đảo Hoàng Sa là một phần lãnh thổ của Trung Quốc.

Phát biểu với báo giới sau khi trao công hàm thứ hai của Trung Quốc cho Ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, Vương Mân tố cáo các hoạt động khiêu khích của Việt Nam trên biển và cho rằng hành động của Việt Nam là bất hợp pháp, làm gián đoạn hoạt động của người Trung Quốc, của giàn khoan dầu Trung Quốc, vi phạm nghiêm trọng chủ quyền và quyền tài phán của Trung Quốc, đe dọa nghiêm trọng an toàn cá nhân của người Trung Quốc và giàn khoan dầu HYSY 981, vi phạm thô bạo luật pháp quốc tế gồm Hiến Chương Liên Hiệp Quốc, Công ước LHQ về luật biển năm 1982, 1988, đe dọa an ninh hàng hải, sự an toàn của những công trình cố định trên thềm lục địa, phá hoại tự do và an toàn của việc đi lại trong vùng biển, đe dọa hòa bình và ổn định khu vực. Ông ta khẳng định:

- (1) Hoàng Sa là một phần cố hữu của lãnh thổ Trung Quốc, không có tranh chấp nào cả. Trước năm 1974 chưa có chính quyền nào của Việt Nam phản đối chủ quyền của Trung Quốc đối với quần đảo Hoàng sa (!).
- (2) Việt nam đã công nhận Hoàng Sa của Trung Quốc từ lâu rồi, phản ánh trong tuyên bố của nhà nước, công thư, báo chí, bản đồ, sách giáo khoa của họ.
- (3) Đến nay, chính quyền lại nuốt lời bằng cách tung ra các yêu sách chủ quyền, đây là sự vi phạm vào **nguyên tắc luật pháp quốc tế** trong đó có cả **nguyên tắc Estoppel**.

2/. Cáo buộc Việt Nam vi phạm nguyên tắc 'estoppel' còn có Lưu hồng Dương, đại diện lâm thời của sứ quán Trung Quốc tại Nam Dương và một học giả Trung Quốc, Tiến sĩ Ngô sĩ Tồn đã

dựa vào công hàm của ông Phạm văn Đồng để tuyên bố với hãng tin 'Deuthsche Welle' của Đức rằng: “ Nếu không công nhận Hoàng sa là của Trung Quốc, Việt Nam đã nói ngược với nguyên tắc 'estoppel'

B. Những luận điểm sau đây sẽ được người viết chứng minh để phản bác lập trường của Trung Quốc về chủ quyền trên Hoàng sa và Trường sa.

- a) Việt Nam là quốc gia duy nhất có chủ quyền lịch sử đối với Hoàng sa và Trường sa.
- b) Tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc trên Hoàng sa và Trường sa ngày 4/9/1958 **vô hiệu** theo án lệ của các tòa án quốc tế.
Công hàm của ông Đồng chỉ có thể công nhận lãnh hải 12 hải lý đối với các lãnh thổ và hải đảo được Trung Quốc thủ đắc hợp pháp chứ không thể công nhận các hải đảo không phải của Trung Quốc như Hoàng sa và Trường sa được.
- c) Công hàm Phạm văn Đồng cũng không liên hệ gì đến nguyên tắc 'estoppel' như Trung Quốc đã cố tình gán ghép.

1. Việt Nam là quốc gia duy nhất có chủ quyền trên Hoàng sa và Trường sa.

Hai quần đảo Hoàng sa và Trường sa là đất vô chủ, được người dân Việt phát hiện từ lâu đời, ít ra là từ thế kỷ thứ XV, chiếm hữu trong thế kỷ thứ XVII và XVIII, chính thức chiếm hữu trong thế kỷ thứ XIX hành xử chủ quyền một cách hòa bình, liên tục mà không có bất kỳ một quốc gia nào tranh chấp từ đó đến nay.

Trước năm 1974 cũng như sau năm 1974, Hoàng sa và Trường sa vẫn mãi mãi thuộc chủ quyền của Việt Nam, do đó, nếu có quốc gia nào muốn tranh chấp thì phải tranh chấp với Việt Nam mới hợp lý, sao Trung Quốc lại nói ngược lại là phải tranh chấp với Trung Quốc? Việc Việt Nam hành xử chủ quyền lâu đời trên hai quần đảo qua nhiều thế kỷ như vậy đã trở thành **quyền sở hữu hợp pháp** (vested rights) của Việt Nam rồi.

Vào năm 1974, Trung Quốc đã dùng vũ lực xâm chiếm bất hợp pháp quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam Cộng Hoà, đem tàu chiến và binh sĩ tới giết hại các binh sĩ Việt Nam Cộng Hoà đang làm nhiệm vụ bảo vệ đảo, rồi đến năm 1988 Trung Quốc cũng lại ngang nhiên đem theo tàu chiến và binh sĩ tới xâm chiếm một phần quần đảo Trường Sa của nước Việt Nam thống nhất. Chính những hành động này của Trung Quốc mới vi phạm thô bạo vào điều 4, đoạn 2 Hiến chương Liên Hiệp Quốc : cấm sử dụng vũ lực, xâm phạm sự toàn vẹn lãnh thổ của một quốc

gia, đồng thời còn vi phạm Quyết nghị số 2625-LHQ ngày 24/10/1970 của Liên Hiệp Quốc, theo đó, mọi sự chiếm đóng lãnh thổ, chiếm hữu đất đai của Trung Quốc đối với hai quần đảo của Việt Nam vào các năm 1974 và 1988 là hoàn toàn bất hợp pháp.

Vì những lý do nêu trên, ngày 14/2/74 Chính Phủ nước Việt Nam Cộng Hòa đã ra Tuyên Cáo lên án Trung Quốc xử dụng vũ lực xâm chiếm Hoàng Sa của Việt Nam Cộng Hoà trước công luận thế giới. Nội dung của Tuyên cáo được viết như sau:

Tuyên cáo của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa về chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa trên những đảo ở ngoài khơi bờ biển Việt Nam Cộng Hòa.

Nghĩa vụ cao cả và cấp thiết nhất của một chánh phủ là bảo vệ chủ quyền, độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia. Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa cương quyết làm tròn nghĩa vụ này, bất luận những khó khăn trở ngại có thể gặp phải và bất chấp những sự phản đối không căn cứ, dầu xuất phát từ đâu.

Quần đảo Hoàng sa và Quần đảo Trường sa là những phần bất khả phân của lãnh thổ Việt Nam Cộng Hoà. Chánh Phủ và Nhân dân Việt Nam Cộng Hòa không bao giờ chịu khuất phục trước bạo lực mà từ bỏ tất cả hay một phần chủ quyền của mình trên những quần đảo ấy. Kẻ xâm chiếm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi tình trạng căng thẳng có thể do đó mà có.

Trong dịp này, Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa cũng long trọng tái xác nhận chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa trên những hải đảo nằm ở ngoài khơi bờ biển Nam Phần Việt Nam, từ trước tới nay vẫn được coi là một phần lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa căn cứ trên những dữ kiện địa lý, lịch sử, pháp lý và thực tại không chối cãi được.

Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa cương quyết bảo vệ chủ quyền quốc gia trên những đảo ấy bằng mọi cách.

Chừng nào còn một hòn đảo thuộc lãnh thổ của VNCH bị nước ngoài chiếm giữ bằng bạo lực thì chừng ấy nhân dân nước VNCH còn đấu tranh để khôi phục những quyền lợi chính đáng của mình.

Trung thành với chánh sách hòa bình cố hữu của mình, Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa sẵn sàng giải quyết bằng đường lối thương lượng những vụ tranh chấp quốc tế có thể xảy ra từ những hải đảo ấy, nhưng nhất định không vì thế mà từ bỏ chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa trên những phần đất này.

Nội dung đoạn Tuyên bố về chủ quyền của Trung Quốc trên Hoàng sa và Trường sa ngày 4/9/1958 và nội dung bức Công hàm của ông Phạm văn Đồng, Thủ Tướng nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa công bố ngày 14/9/1958.

a). Nội dung đoạn tuyên bố ngày 4/9/1958 của Trung Quốc về lãnh thổ & hải đảo trong đó có hai quần đảo Hoàng sa và Trường sa của Việt Nam Cộng Hòa.

*“Bề rộng lãnh hải của nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Quốc là 12 hải lý. Điều lệ này được áp dụng cho toàn lãnh thổ nước CHNDTQ, bao gồm phần đất Trung Quốc trên đất liền và các hải đảo và các đảo phụ cận, quần đảo Đông sa, **quần đảo Tây sa** (tức Hoàng sa của Việt Nam)..., **quần đảo Nam sa** (tức Trường sa của Việt Nam) và các đảo khác thuộc Trung Quốc...”*

b). Nội dung bức Công hàm của ông Phạm văn Đồng ngày 14/9/1958

*Chính Phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa **ghi nhận và tán thành** bản tuyên bố ngày 4/9/1958 của Chính Phủ nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa quyết định về hải phận của Trung Quốc. Chính Phủ nước VNDCCH tôn trọng quyết định ấy và chỉ thị cho các cơ quan nhà nước có trách nhiệm tôn trọng lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc trong mọi quan hệ với nước CHNDTQ trên mặt bể.*

Chú ý : Trước khi bàn đến hai vấn đề quan trọng nêu trên, người viết xin lưu ý quý đọc giả về những điểm sau đây:

- 1). Tuyên bố của Trung Quốc ngày 4/9/1958 là một **tuyên bố đơn phương** (unilateral declaration) nên nội dung bản tuyên bố cần phải được một văn kiện pháp lý quốc tế liên hệ giải thích.

· Văn kiện pháp lý quốc tế này có tên là : “Guiding Principles applicable to unilateral declarations of States capable of creating legal obligations.” Tạm dịch ra tiếng Việt: **“Những nguyên tắc hướng dẫn áp dụng cho những tuyên bố đơn phương của các quốc gia có thể tạo ra những nghĩa vụ pháp lý”** (NNTHD)
Tài liệu này do Ủy Ban Pháp chế Liên Hiệp Quốc đúc kết từ các bản án của các Tòa án Trọng tài và Tòa án quốc tế, đệ trình Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc xét

duyet và chấp thuận trước khi phổ biến cho các quốc gia thành viên và trên mạng. Như vậy, tài liệu có thể được coi như ‘**Công Ước của Liên Hiệp Quốc về Tuyên bố đơn phương**’. Tài liệu này sẽ được người viết sử dụng để giải thích Tuyên bố ngày 4/9/1958 về chủ quyền của Trung Quốc’ trên Hoàng sa và Trường sa.

3). Công hàm của ông Phạm văn Đồng chỉ có thể nhìn nhận những lãnh thổ và hải đảo mà Trung Quốc đã thủ đắc hợp pháp trong Tuyên bố ngày 4/9/1958.

2. Tuyên bố ngày 4/9/1958 của Trung Quốc là một tuyên bố đơn phương. Tuyên bố này vô hiệu riêng đối với Hoàng sa và Trường sa vì vào ngày tuyên bố chủ quyền, Trung Quốc không đưa ra được bằng chứng chủ quyền của họ trên hai quần đảo này.

Điều 1 của ‘Nguyên tắc hướng dẫn định nghĩa ‘Tuyên bố đơn phương’ như sau:

“ Những tuyên bố được phát biểu công khai để bày tỏ ý muốn tôn trọng những gì đã phát biểu có thể tạo ra những nghĩa vụ pháp lý. Khi các điều kiện như vậy đã hội đủ, tính cách bó buộc của những tuyên bố được dựa vào sự thành tín; những quốc gia liên hệ có thể xem xét và căn cứ vào những tuyên bố ấy để đòi hỏi các nghĩa vụ phải được thi hành”

(Declarations publicly made and manifesting the will to be bound may have the effect of creating legal obligations. When the conditions for this are made, the binding character of such declarations is based on good faith; States concerned may then take them into consideration and rely on them; such States are entitled to require that such obligations be respected)

Ý nghĩa của định nghĩa này được diễn tả như sau:

Muốn cho tuyên bố được công nhận và có giá trị pháp lý thì ngoài các điều kiện về hình thức được qui định tại các điều 4, 5 và điều kiện về nội dung tại các điều 3.1, 3.2, quan trọng nhất là tuyên bố phải không có tính cách cưỡng bách (coercion) hay phải được cộng đồng quốc tế nhìn nhận là hợp pháp được qui định tại điều 8 được gọi là *peremptory norm hay jus cogens*.

(1). Trong tuyên bố ngày 4/9/1958, Trung Quốc tự nhận mình có chủ quyền trên Hoàng sa và Trường sa (trong khi hai quần đảo này đang do Việt Nam Cộng Hòa quản trị) mà không đưa ra được bằng chứng để hậu thuẫn cho chủ quyền của họ.

Tuyên bố của Trung Quốc, vì thế, đã vi phạm vào điều 8 của bản' Nguyên tắc hướng dẫn. Điều 8 được viết như sau:

“ Một tuyên bố đơn phương nếu mâu thuẫn với quy chuẩn bó buộc của luật tổng quát thì vô hiệu” (A declaration which is in conflict with a **peremptory norm** of general law is void)

Peremptory norm được dịch từ tiếng La tinh **Jus Cogens**, có nghĩa là một quy tắc hay nguyên tắc pháp lý quốc tế căn bản, có hiệu lực ràng buộc mọi quốc gia, không miễn trừ biệt lệ nào. Quy chuẩn bó buộc (peremptory norm hay jus cogens) chỉ được coi là hợp pháp *nếu được cộng đồng thế giới chấp nhận*. Một hiệp ước trái với nguyên tắc Jus Cogens được coi như vô hiệu.

[**Jus Cogens**: a rule or principle in international law that is so fundamental that it binds all states and does not allow any exceptions. Such rules amount to *jus cogens* if they are recognized as such by the international community as a whole. A treaty that conflicts with an existing jus cogens rule is void]

Tuyên bố đơn phương của Trung Quốc trái với quy chuẩn bó buộc của luật tổng quát ở điểm nào ?

Luật tổng quát đòi hỏi người nào tự nhận một vật đang do người khác nắm giữ là của mình thì phải chứng minh rằng mình mới là sở hữu chủ chân chính của vật ấy. Trung Quốc tự nhận Hoàng sa và Trường sa là của Trung Quốc trong khi Hoàng sa và Trường sa đang do Việt Nam Cộng Hòa sở hữu thì Trung Quốc phải chứng minh hai quần đảo này thực sự là của Trung Quốc. Nếu không chứng minh được điều này thì tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc trên Hoàng sa và Trường sa đương nhiên vô hiệu. (Sự vô hiệu trong tuyên bố ngày 4/9/1958 của Trung Quốc chỉ áp dụng cho Hoàng sa và Trường sa mà thôi). Khởi điểm của sự vô hiệu được tính kể từ ngày tuyên bố (4/9/1958).

3. Công hàm của ông Phạm văn Đồng chỉ hợp pháp nếu nhìn nhận những nội dung nào trong Tuyên bố của Trung Quốc không trái với Những nguyên tắc hướng dẫn và án lệ của các Tòa án quốc tế.

- a) Công hàm của ông Đồng không thể công nhận Hoàng sa và Trường sa là của Trung Quốc vì vào thời điểm đó hai quần đảo này đang do Việt Nam Cộng Hoà quản lý, VNDCCH chỉ là một quốc gia đệ tam trong việc tranh chấp biển đảo giữa Trung Quốc và Việt Nam nên không thể công nhận như thế được.

Giả sử rằng công hàm của ông Đồng công nhận Hoàng sa và Trường sa là của Trung Quốc thì khi Trung Quốc đòi hỏi nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà phải thi hành lời

cam kết theo đ. 1 của Những nguyên tắc hướng dẫn thi VNDCCH lấy đầu ra Hoàng sa và Trường sa để giao cho Trung Quốc ?

Trong bản án về tranh chấp đảo Palmas giữa Hoa kỳ và Hòa Lan năm 1928, Tòa án Quốc tế đã phán quyết về trường hợp này như sau:

“ Spain could not legally grant what it did not hold and therefore Spain could not grant Palmas to the United States” (Tây Ban Nha không có chủ quyền đối với đảo Palmas nên không thể nhượng đảo này cho Hoa kỳ được).

Tương tự, vì Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa không có chủ quyền trên Hoàng sa và Trường sa nên ông Đồng không thể tuyên bố Hoàng sa và Trường sa là của Trung Quốc được. .

- b) Theo nguyên tắc jus cogens, một tuyên bố đơn phương hay một hiệp ước chỉ hợp pháp nếu nó không có tính cách cưỡng hành hay nó phải được cộng đồng quốc tế công nhận là hợp pháp.

Câu hỏi tiếp theo cần được nêu ra ở đây là Cộng đồng quốc tế liệu có chấp nhận để ông Thủ Tướng của nước mình gửi công hàm cho ông Thủ Tướng của quốc gia khác trong đó ghi nhận và tán thành việc chuyển giao lãnh thổ hay hải đảo của quốc gia mình cho quốc gia láng giềng hay không ?

Tóm lại, công hàm của ông Phạm văn Đồng chỉ có hiệu lực công nhận những lãnh thổ và hải đảo do Trung Quốc thủ đắc hợp pháp, chứ **không thể** công nhận hai quần đảo Hoàng sa và Trường sa của Việt Nam Cộng Hòa mà theo điều 8 của NNTHD và theo án lệ của các tòa án quốc tế phải coi như vô hiệu.

III. Không công nhận Hoàng sa và Trường sa là của Trung Quốc nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có vi phạm vào nguyên tắc estoppel không?

O trên, người viết đã trình bày về quyền sở hữu mà Trung Quốc tuyên bố đối với Hoàng sa và Trường sa đã vi phạm vào điều 8 của bản NNTHD nên vô hiệu. Sự vô hiệu này xảy ra 10 ngày trước khi công hàm của ông Đồng được công bố (14/9/1958). Như vậy nếu cho rằng Công hàm của ông Đồng đã công nhận Hoàng sa và Trường sa là của Trung Quốc thì hoá ra Công hàm của ông Đồng đứng trên cả Công ước quốc tế của Liên Hiệp Quốc, vì đã trả lại Hoàng sa và Trường sa cho Trung Quốc sau khi hai quần đảo này đã bị NNTHD vô hiệu hóa ?

Theo nhận định của người viết thì những viên chức cao cấp trong Chính Phủ Trung Quốc cũng như một số học giả Trung Quốc có vẻ như không đọc nguyên tắc Estoppel trước khi đưa ra lời

tuyên bố đã dẫn. Sau đây là đôi điều giới thiệu về học thuyết estoppel để người đọc đánh giá về lòng ngay thẳng và tính lương thiện của những nhân vật người Trung Quốc qua những động thái tuyên bố của họ liên quan đến Hoàng sa và Trường sa.

III CONG HAM CUA ONG PHAM VAN ĐONG VA HOC THUYET 'ESTOPPEL

1. Đôi điều về học thuyết estoppel

Từ ngữ 'estoppel' bắt nguồn từ chữ Pháp *estouppail*, *estopper* và tiếng La tinh *stupa*. Chữ 'estoppel' được Tự điển Collins của nước Anh định nghĩa như sau: *'Estoppel' là quy tắc về bằng chứng, theo đó, một cá nhân không được phép phủ nhận sự thật về điều mà trước đây người này đã tuyên bố hoặc về những sự kiện mà người này cho là có thật'*

Theo hệ thống Tục lệ Pháp Anh - Mỹ, có ít ra là 4 loại quy tắc về bằng chứng :

Estoppel by conduct, Estoppel by deed, Estoppel by record và Equitable estoppel.

Trong 4 loại bằng chứng kể trên thì Equitable estoppel được sử dụng nhiều nhất trong luật Tín thác Hội (Law of Trust) và Luật quá thất (Law of Tort)

Equitable estoppel lại tế phân ra làm hai : **Proprietary estoppel** (bằng chứng liên quan đến tài sản) và **Promissory estoppel** (bằng chứng liên quan đến lời hứa).

Hai loại bằng chứng này được các tòa án khác nhau ở nước Anh thụ lý. **Proprietary estoppel** thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa tục lệ pháp, còn **Promissory estoppel** lại do Tòa Chancery xét xử theo nguyên tắc công bằng. Để có thể hiểu rõ sự khác biệt giữa Proprietary và Promissory estoppel, người viết xin đưa ra 2 thí dụ sau đây.

Promissory estoppel.

Một hôm, ông cha ghê của Doritt nói với nàng rằng nếu Doritt đồng ý làm việc không công cho trang trại của ông thì ông ta sẽ cho nàng một con ngựa đua còn tơ, tên là con Chớp. Doritt hiểu rằng nếu nàng chăm sóc và chịu khó tập dượt cho con Chớp thì sau này, khi đến tuổi trưởng thành để đua ngựa, con Chớp có thể thắng được nhiều giải lớn.

Doritt đồng ý làm việc không công cho ông cha ghê đến một thời gian mà theo nàng ước tính, số tiền công vào lúc bấy giờ vào khoảng £1000.00. Thế rồi, Ông cha ghê của Doritt chẳng

những không giao con Chớp cho Doritt như đã hứa trước đây, ông ta còn giữ lại cho mình cả số tiền thưởng £10,000.00 do con Chớp thắng giải trong cuộc đua ngựa nữa.

Đến đây thì Doritt, nếu muốn, có thể nại học thuyết 'estoppel' để kiện ông cha ghẻ dựa trên những dữ kiện sau đây:

- . Vì tin vào lời hứa của người cha ghẻ, Doritt đã hành động và hành động này gây thiệt hại cho mình (làm việc không công). Vấn đề nêu ra ở đây là sự đền bù thiệt hại cho Doritt sẽ được chiết tính như thế nào ?
 - . Nếu sự đền bù thiệt hại cho Doritt chỉ nhắm vào việc bồi thường thiệt hại thì trước hết Doritt phải được trả số tiền công là £ 1,000.00
 - . Nếu sự đền bù thiệt hại cho Doritt được nhắm vào việc thi hành lời hứa thì ngoài số tiền công £ 1,000.00, Doritt còn được trao cho con Chớp và tiền thưởng đua ngựa mà con Chớp đã thắng giải.
 - . Nếu sự đền bù thiệt hại cho Doritt còn nhắm vào tư cách bất chính của người cha ghẻ của Doritt, thì Tòa có thể truyền cho người cha ghẻ của Doritt phải trả cho Doritt thêm một khoản tiền nữa.

Như vậy, hần đọc giả đã nhận thấy học thuyết estoppel đã đưa đến nhiều trường hợp với những giải pháp khác nhau tùy theo quyết định của Tòa xử theo nguyên tắc công bằng..

Proprietary estoppel

A có một số hàng hóa đem ký thác vào nhà kho của **B** để chờ khi nào có người mua thì bán đi. **C**, người coi kho của B đã lăm lăm đem giao số hàng hóa này cho **D**.

Vì không biết gì về việc người coi kho của mình đã giao lăm số hàng hóa đó cho D nên **B** đã nói với **E**, người muốn mua số hàng hóa ấy rằng, hàng hóa của A vẫn còn ở trong kho của mình. **E** nói với **A** bán số hàng hóa đó cho mình và yêu cầu B giao hàng.

Tòa phán rằng B không thể phủ nhận việc mình đã đoan chắc với E rằng kho của mình vẫn còn giữ số hàng của A gửi.

Như vậy, tương quan giữa B và C là tương quan giữa chủ và người làm công (Master and Servant). Theo Tục Lệ Pháp, người chủ phải chịu trách nhiệm liên đới (vicarious liability) về hành vi sơ xuất hay bất cẩn của người làm công (The master is vicariously liable for negligent acts of his servant)

2. CONG HAM PHAM VAN ĐONG KHONG LIEN HE GI DEN NGUYEN TAC ESTOPPEL!

Công hàm Phạm văn Đồng và học thuyết estoppel, qua phần trình bày trên, là hai nguyên tắc khác nhau, do những điều kiện không giống nhau chi phối.

Công hàm Phạm văn Đồng là một cam kết đơn phương của một Thủ Tướng, nhân danh nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tuyên bố ghi nhận và tán thành quyết định về hải phận 12 hải lý của Trung Quốc.

Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ngày nay **vẫn tiếp tục tôn trọng** nội dung bức Công hàm của ông Phạm văn Đồng là nhìn nhận và tán thành lãnh thổ và hải đảo 12 hải lý của Trung Quốc do Trung Quốc đã thủ đắc hợp pháp. Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam chỉ phụ nhận những lãnh thổ và hải đảo nào của Trung Quốc không được luật lệ quốc tế công nhận tỷ như hai quần đảo Hoàng sa và Trường sa của nước **Việt Nam Cộng Hòa**. Hai quần đảo này không được NNTHD công nhận là của Trung Quốc, ngoài ra Trung Quốc lại còn đem vũ lực xâm chiếm vào các năm 1974, 1988 rồi tuyên bố là của mình. Hành động này lại còn vi phạm thô bạo vào điều 12 bản tuyên bố của Hội nghị Genève năm 1954, điều 4 đoạn 2 của bản Hiến Chương Liên Hiệp Quốc và Nghị Quyết số 2625 LHQ ngày 22 tháng 10 1970 khiến cho tuyên bố của Trung Quốc đương nhiên **vô hiệu**.

Nguyên tắc hay học thuyết Estoppel, trái lại, là một loại khế ước, có hiệu lực pháp lý giàng buộc đôi bên kết ước do hệ quả của sự đề cung và sự chấp nhận đề cung nên đã tạo ra những nghĩa vụ cho đôi bên kết ước phải thi hành. Nếu sau này xảy ra tranh chấp, nội vụ sẽ do Tòa án quốc nội xét xử theo luật quốc nội. Nếu đem so sánh nội dung của công hàm Phạm văn Đồng với nội dung của 'promissory estoppel' hay 'proprietary estoppel' ta thấy giữa chúng chẳng có điểm nào liên hệ với nhau.

Ngoài ra, cũng không thể dùng luật quốc nội để áp dụng vào luật quốc tế, trừ phi luật quốc tế không được ban hành để giải quyết vụ việc thì khi đó tòa án quốc tế mới buộc phải xử dụng tới luật quốc nội, như lý trí thành văn (raison écrite), để giải quyết nội vụ.

IV. KET LUAN.

Gần đây, trên các diễn đàn ở hải ngoại thường hay nhắc đến cái gọi là Mật ước Thành Đô 1990. Mật ước này được ký kết vào năm 1990 tại Thành Đô của Tỉnh Tứ Xuyên giữa một bên là các thành viên của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam như Nguyễn văn Linh, Đỗ Mười, Phạm văn Đồng, bên kia là Giang Trạch Dân và Lý Bằng đại diện cho Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đôi bên đồng ý một thời hạn là 30 năm để sáp nhập Việt Nam vào Trung Quốc (?)

Nếu mật ước này đã thực sự xảy ra thì nó cũng **vô giá trị** về mặt pháp lý vì trái với nguyên tắc Jus Cogens, theo đó một mật ước như vậy không thể được các quốc gia trên thế giới chấp nhận, bởi vì không một quốc gia nào trên thế giới lại chịu để cho lãnh thổ, hay hải đảo của nước mình nằm trong tay một vài nhân vật trong chính quyền mà những người này có toàn quyền, chỉ bằng vào một văn thư tuyên bố giao đất đai, biển đảo cho một quốc gia khác !

Điều 8 của bản Những nguyên tắc hướng dẫn , trong đó nguyên tắc Jus cogens sẽ được xử dụng tới để vô hiệu hoá những tuyên bố đơn phương hay hiệp ước thuộc loại này. Trở lại cái gọi là mật ước Thành Đô ký kết giữa các thành viên của hai đảng Cộng sản Việt Nam và Trung Quốc thì mật ước này cũng sẽ chẳng có giá trị gì cả, ngoại trừ trường hợp các thành viên trong Bộ chính trị hiện của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay sẵn sàng bán đứng đất nước một lần nữa cho Trung Cộng. Nếu họ đã có ý định như vậy thì đâu cần đến Mật ước, điều mà họ đã từng làm đối với Ai Nam Quan, Thác bản Giốc và biên giới Hoa Việt và một phần của Vịnh Bắc bộ của Việt Nam trước đây!